

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 04 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Trung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

2. Bà **Khuru Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tố Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 553/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1961. Địa chỉ: Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Kim H**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Kim H quen biết với nhau và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1983, nhưng không có đăng ký kết hôn; trước khi chung sống với nhau thì ông và bà H có tổ chức đám cưới theo tập quán địa phương, có gia đình hai bên chứng kiến, đám cưới được tổ chức ở ấp Rẫy Mới, xã Phong Lạc (nay là xã Phong Điền), huyện Trần Văn Thời, tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau). Do thời điểm năm 1983, không có ai đi đăng ký kết hôn và không biết phải đi đăng ký kết hôn, nên ông và bà H không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông và bà H sống chung với cha mẹ ruột của ông tại ấp Rẫy Mới, xã Phong Lạc (nay là xã Phong Điền), huyện T, tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau),

01 năm sau ông và bà H dọn ra ở riêng, chung sống đến năm 1997 thì ông và bà H sống ly thân cho đến nay; khi ly thân bà H vẫn sống ở ấp Rẫy Mới, xã Phong Lạc (nay là xã Phong Điền), huyện Trần Văn Thời, tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau), ông chuyển công tác về sống ở Khóm 2, Phường 7, thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu), tỉnh Bạc Liêu. Ông và bà H đã sống ly thân từ năm 1997 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, đã không còn chung sống với nhau từ thời gian rất dài, nhưng do chăm lo cho các con và hiện nay bà H không chịu ký giấy tờ gây cản trở việc kinh doanh của cá nhân ông, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà H có 02 người con chung tên Trần Minh Chí, sinh ngày 26/11/1987 và Trần Minh Chuẩn, sinh ngày 16/7/1990, hiện nay các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông và bà Huỳnh Kim H không có tài sản chung, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống ông và bà Huỳnh Kim H không có nợ chung, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn bà Huỳnh Kim H trình bày tại Biên bản ngày 14/02/2023 (bút lục số 38):* Bà và ông Trần Văn Đ kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1983 đến nay, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà và ông Đ có 02 con chung tên Trần Minh C, sinh ngày 26/11/1987 và Trần Minh C, sinh ngày 16/7/1990. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý, bà không đồng ý ký tên vào bất kỳ biên bản làm việc nào của Tòa án cũng như không đồng ý nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:* Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn Đ đối với bà Huỳnh Kim H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Ông Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Văn Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Kim H, cư trú tại Khóm

10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, đây là tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Ông Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Đ và bà H thống nhất xác định ông, bà tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983, không có đăng ký kết hôn, phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân giữa ông Đ và bà H là hôn nhân thực tế và hợp pháp.

Ông Đ xác định ông và bà H đã ly thân từ năm 1997 đến nay, không còn chung sống với nhau thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H; bà H không đồng ý ly hôn với ông Đ. Xét thấy, ông Đ cương quyết ly hôn với bà H, hiện nay ông Đ và bà H không còn sống chung với nhau là vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, ông Đ không còn tình cảm với bà H, có căn cứ xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa ông Đ và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ đối với bà H.

[2.2] Về con chung: Ông Đ và bà H thống nhất xác định trong quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung tên Trần Minh C, sinh ngày 26/11/1987 và Trần Minh C, sinh ngày 16/7/1990, hiện nay các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, nên ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Đ xác định trong quá trình chung sống ông và bà H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông Đ xác định trong quá trình chung sống ông và bà H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ đối với bà H là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng. Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền

300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008279 ngày 28/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ đối với bà Huỳnh Kim H. Xử cho ông Trần Văn Đ được ly hôn với bà Huỳnh Kim H.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Trần Văn Đ xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Trần Văn Đ xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng. Ông Trần Văn Đ đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008279 ngày 28/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí số tiền 300.000 đồng.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Trung